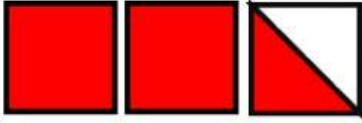


BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM MÔN TOÁN

Câu 1. Hỗn số nào dưới đây thể hiện đúng phần tô màu của các hình bên dưới:

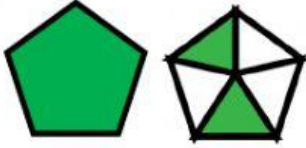


A. $3\frac{1}{2}$

B. $2\frac{1}{2}$

C. $3\frac{2}{5}$

D. $2\frac{2}{5}$

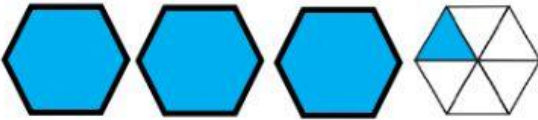


A. $1\frac{2}{3}$

B. $2\frac{2}{3}$

C. $1\frac{2}{5}$

D. $2\frac{2}{5}$



A. $3\frac{1}{6}$

B. $3\frac{1}{5}$

C. $4\frac{1}{6}$

D. $4\frac{1}{5}$

Câu 2. Chọn số thập phân lớn nhất trong các số dưới đây:

A. 4,3

B. 3,40

C. 0,43

D. 3,04

Câu 3. Chọn số thập phân bé nhất trong các số dưới đây:

A. 4,3

B. 3,40

C. 0,43

D. 3,04

Câu 4. Giá trị của chữ số 5 trong số 1,358 là:

A. 5

B. 50

C. $\frac{5}{10}$

D. $\frac{5}{100}$

Câu 5. Điền số thích hợp vào chỗ trống:

$5,67 \times 10 = \dots\dots\dots$

$2,34 \times 0,01 = \dots\dots\dots$

$6,2 \times 100 = \dots\dots\dots$

$8925 \times 0,1 = \dots\dots\dots$

$38,35 : 10 = \dots\dots\dots$

$36,5 : 0,1 = \dots\dots\dots$

$98,3 : 1000 = \dots\dots\dots$

$24,36 : 0,01 = \dots\dots\dots$

$5 \text{ dm}^2 \text{ } 6 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

$6 \text{ ngày } 10 \text{ giờ} = \dots\dots\dots \text{giờ}$

$12 \text{ m}^2 \text{ } 18 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$

$10 \text{ giờ } 25 \text{ phút} = \dots\dots\dots \text{phút}$

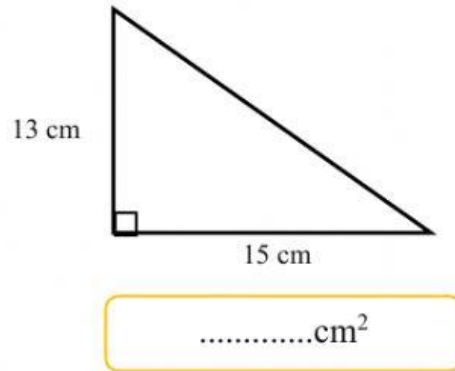
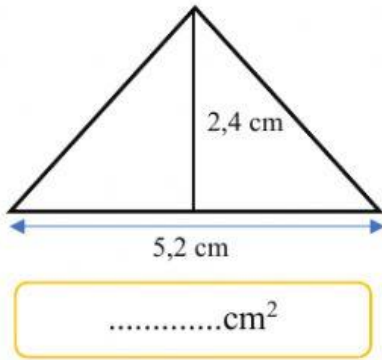
$883 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

$15 \text{ phút } 45 \text{ giây} = \dots\dots\dots \text{phút}$

$1826 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{km}^2$

$7 \text{ giờ } 42 \text{ phút} = \dots\dots\dots \text{giờ}$

Câu 6. Tính diện tích của các hình dưới đây:



Câu 7. Tính thể tích các hình dưới đây:

a) Hình lập phương có cạnh 7 dm.

V =dm³.

b) Hình hộp chữ nhật có chiều rộng 4 cm, chiều dài 8 cm và chiều cao 3,5 cm.

V =cm³.

c) Hình hộp chữ nhật có chiều dài 6 dm, chiều rộng 4,5 dm và chiều cao 3 dm.

V =dm³.

Câu 8. Công thức tính vận tốc là:

- A. $v = s : t$ B. $v = s \times t$ C. $v = t : s$ D. $v = t \times s$

Câu 9. Công thức tính thời gian là:

- A. $t = s \times v$ B. $t = v : s$ C. $t = s : v$ D. $t = v \times s$

Câu 10. Công thức tính quãng đường là:

- A. $s = v : t$ B. $s = t : v$ C. $s = v \times t$ D. $s = t + v$